TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2022

" V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Cương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Thức
Ông Trần Đức Hiếu

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Văn Thoảng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa*: Bà Trần Lê Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 47/2022/TLST – HNGĐ ngày 04/3/2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 Quyết định hoãn phiên tòa số 58 ngày 15/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Mai Thị C, sinh ngày 20/12/1984; Địa chỉ: Số 10 đường N, tổ 73 phường H, quận C TP Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh G, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 10 đường N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Địa chỉ liên hệ: Số 55 đường L, phường H, quận H, TP Đà Nẵng; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2022, bản tự khai ngày 31/3/2022, biên bản hòa giải ngày 31/3/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh G kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống tại địa chỉ: tổ 73, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2021 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do: vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, không còn tin tưởng lẫn nhau, chồng thường hay nghen tuông vô cớ, chửi bới, đe dọa, đánh đập bà và đập phá đồ đạc trong nhà. Từ tháng 3/2022 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được, do đó, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh G.

-*Về con chung:* Bà Mai Thị C xác định vợ chồng bà có 02 con chung tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/3/2008 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 15/01/2011. Ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi. Bà yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh G phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2 triệu đồng/ 01 con chung (02 con chung là 4 triệu đồng/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung:* Bà Mai Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà Mai Thị C xác định không có.

Tại bản tự khai ngày 31/3/2022 và biên bản hòa giải ngày 31/3/2022, bị đơn ông Nguyễn Thanh G trình bày:

-*Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Thanh G xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như trình bày của bà C. Qúa trình chung sống với nhau đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do: Bà C ham chơi, thường đi về khuya, chơi số đề, tu tập bạn bè nhậu nhẹt không lo vun vén chăm sóc gia đình. Bản thân ông thì phải đi làm ăn xa, khi ông liên lạc điện thoại với bà C thì bị bà C chặn điện thoại, tắt định vị, bà C thường chửi bới, xúc phạm ông qua điện thoại; Bà C còn xúc phạm cha mẹ ông vì có nhân thân không tốt. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông G đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của bà C.

- *Về con chung:* Ông Nguyễn Thanh G thống nhất với trình bày của bà C xác định vợ chồng ông có 02 con chung tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/3/2008 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 15/01/2011. Ly hôn ông G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thanh G xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Thanh G xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Qúa trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định tại các Điều từ Điều 239 đến Điều 243; Điều 247; Điều 249 đến Điều 252; Điều 258 và Điều 260 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 21/4/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Mai Thị C và ông Nguyễn Thanh G đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị C, xử cho bà C được ly hôn với ông G.

Về con chung: Xét thấy các cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/3/2008 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 15/01/2011 còn nhỏ ở độ tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ, tại bản tự khai cháu T, cháu S cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, giao 02 con chung Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S cho bà Mai Thị C trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng, bà C yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2 triệu đồng/1 con chung là phù hợp với thu nhập của ông G và phù hợp với mức sống thực tế tại địa phương. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà C, ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà C, ông G thống nhất xác định không có nên không xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* bị đơn là ông Nguyễn Thanh G có địa chỉ nơi cư trú tại: Số 10 đường N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Nguyễn Thanh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thanh G.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của các đương sự, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày, nguyện vọng của các bên và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị C và ông Nguyễn Thanh G kết hôn với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2021 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Theo bà C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do: Vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng khồng còn tin tưởng nhau, chồng thường xuyên nghen tuông vô cớ, chửi bới, đe dọa đánh đập bà. Mâu thuẫn càng càng trở nên trầm trọng hơn và không thể hàn gắn được, từ tháng 3/2022 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau. Vì vậy bà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh G. Ông Nguyễn Thanh G cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do: bà C ham chơi, thường đi về khuya, cơ bạc, số đề, tu tập nhậu nhẹt, không lo vun vén, chăm sóc gia đình. Bản thân ông phải đi làm ăn xa, mỗi khi liên lạc điện thoại với bà C thì bà C thường chửi bới, xúc phạm ông hoặc bà C chặn liên lạc, tắt định vị; bà C còn xúc phạm cha mẹ ông vì có nhân thân không tốt. Bản thân ông G cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng nên đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của bà C.

Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà bà C, ông G do chính quyền địa phương cung cấp xác định: Giữa vợ chồng bà Châu, ông Giang phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được.

Như vậy, mặc dù giữa bà Mai Thị C và ông Nguyễn Thanh G còn chưa thống nhất về một số nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng nhưng bà Châu, ông Giang đều thống nhất xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã thực sự đến mức trầm trọng, không thể hòa giải, hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, xử cho bà được ly hôn với ông G.

[2.2] Về quan hệ con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà Mai Thị C và ông Nguyễn Thanh G thống nhất xác định có 02 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/3/2008 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 15/01/2011. Nếu phải ly hôn bà C, ông G đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc phải đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của trẻ em trên cơ sở tôn trọng ý kiến nguyện vọng của các cháu. Hiện cháu Trường, cháu Sơn còn nhỏ, đang ở với mẹ, các cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác bản thân bà Mai Thị C cũng có việc làm, có thu nhập và có chỗ ở ổn định đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 02 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/3/2008 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 15/01/2011 cho bà Mai Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Bà C yêu cầu ông Nguyễn Thanh G cấp dưỡng nuôi con mỗi thàng 2.000.000 đồng cho mỗi con chung (mỗi tháng 4.000.000 đồng/2 con chung). Xét mức yêu cầu cấp dưỡng của bà C là phù hợp với thu nhập của ông G và mức sống thực tế tại địa phương. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Nguyễn Thanh G phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/3/2008 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 15/01/2011 mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con chung (02 con chung mỗi tháng cấp dưỡng 4.000.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2022 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Bà Mai Thị C, ông Nguyễn Thang G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Mai Thị C, ông Nguyễn Thanh G thống nhất xác định không có.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Mai Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; Ông Nguyễn Thanh G phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ:

Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị C đối với ông Nguyễn Thanh G về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*.

***2.1 Về quan hệ hôn nhân*:** Xử cho bà Mai Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Thanh G.

***2.2 Về con chung*:** Giao 02 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/3/2008 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 15/01/2011 cho bà Mai Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Buộc ông Nguyễn Thanh G phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/3/2008 và Nguyễn Văn S, sinh ngày 15/01/2011, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi con chung *(02 con chung mỗi tháng phải cấp dưỡng là 4.000.000 đồng)*. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2022 đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Mai Thị C có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Thanh G không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì hàng tháng ông Nguyễn Thanh Gcòn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2.3 *Về tài sản chung*: Bà Mai Thị C và ông Nguyễn Thanh G xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4 *Về nợ chung*: Bà Mai Thị C và ông Nguyễn Thanh G xác định không có.

2.5. Về án phí**:** Bà Mai Thị C phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0001748 ngày 03/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ *(như vậy bà C đã nộp đủ án phí).*

Buộc ông Nguyễn Thanh G phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

2.6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Duy Trinh, huyện Duy Xuyên Tỉnh Quảng Nam (CNKH số 51 ngày 29/10/2007)
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phan Văn Cương